

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH

MÃ NGÀNH: 7220201

HỆ: ĐÀO TẠO TỪ XA

DÀNH CHO ĐỐI TƯỢNG ĐÃ CÓ BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Thừa Thiên Huế, 2021

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 11 năm 2021

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
DÀNH CHO ĐỐI TƯỢNG ĐÃ CÓ BẰNG ĐẠI HỌC**

I. Tổng quan về Chương trình đào tạo

1. Giới thiệu Chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh dành cho đối tượng đã có bằng đại học được biên soạn dựa trên chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh được ban hành theo Quyết định số 1308/QĐ-ĐHH ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Giám đốc Đại học Huế.

- Chương trình này là căn cứ pháp lý để triển khai tuyển sinh cho các đối tượng đã tốt nghiệp đại học.

2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình/ Ngành đào tạo	Tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh Tiếng Anh: English Language
Mã ngành	7220201
Trình độ đào tạo	Đại học
Văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân
Loại hình đào tạo	Từ xa
Thời gian thực hiện chương trình	2,5 năm
Khối lượng kiến thức toàn khóa	108 tín chỉ
Nơi cấp bằng	Đại học Huế
Giảng viên tham gia giảng dạy	Giảng viên của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế và giảng viên thỉnh giảng trên toàn quốc
Ngôn ngữ	Tiếng Việt, Tiếng Anh
Website	hoeit.hueuni.edu.vn
Cập nhật	11/2021

3. Mục tiêu đào tạo

a. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe tốt, có khả năng sử dụng tiếng Anh để giải quyết tốt các công việc thuộc ngành nghề chuyên môn, đáp ứng nhu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế, góp phần thực hiện chủ trương hướng đến nền giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời.

b. Mục tiêu cụ thể

Kí hiệu	Mục tiêu cụ thể
MT 1	Trang bị cho người học kiến thức tương đối sâu và rộng về ngôn ngữ, văn hóa - văn học Anh; rèn luyện và phát huy kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh, đạt được trình độ nghiệp vụ biên - phiên dịch trong các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội.
MT 2	Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức ngôn ngữ và văn hóa để giải quyết những vấn đề đặt ra trong quá trình công tác, nghiên cứu và giảng dạy; hình thành năng lực nghiên cứu khoa học về ngôn ngữ, văn học, văn hóa Anh hoặc giáo dục, cũng như có khả năng hành nghề trong một số hoạt động dịch vụ khác như hướng dẫn du lịch, bảo tàng, ...
MT 3	Hình thành năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong nhận thức và hành động.

4. Chuẩn đầu ra

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh đảm bảo đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

4.1. Kiến thức

CĐR 1: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp và công việc chuyên môn.

CĐR 2: Hiểu biết, vận dụng các phương pháp và các kỹ năng/ kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo để đảm nhận được công việc có sử dụng tiếng Anh; hiểu biết các vấn đề về ngôn ngữ học, về văn hóa - văn học các nước nói tiếng Anh, về giao tiếp liên văn hóa và vận dụng để giải quyết những vấn đề đặt ra trong quá trình công tác và nghiên cứu.

4.2. Kỹ năng

CĐR 3: Có kỹ năng lập luận tư duy giải quyết vấn đề, biết tư duy phản biện, phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề trong các lĩnh vực chuyên ngành đào tạo và trong công việc.

CĐR 4: Có kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức, tiếp cận kiến thức khoa học công nghệ mới nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp.

CĐR 5: Có kỹ năng nghề nghiệp, giao tiếp hiệu quả bằng văn bản, thuyết trình và các phương tiện truyền thông bằng tiếng Anh với các cá nhân và tổ chức.

CĐR 6: Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp trong công tác chuyên môn.

4.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

CĐR 7: Nắm vững nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tự chủ, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và môi trường.

Quan hệ giữa Mục tiêu đào tạo (MTĐT) và Chuẩn đầu ra (CĐR)

MTĐT	CĐR								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
MT1		X	X	X	X	X	X	X	X
MT2		X	X	X	X	X	X	X	X
MT3						X	X	X	X

5. Cơ hội việc làm

Theo quy định của chuẩn đầu ra, các vị trí việc làm mà người học ngành Ngôn ngữ Anh có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp bao gồm:

Nhóm 1: Có khả năng làm việc tại các cơ quan nghiên cứu ngôn ngữ - văn hóa trong và ngoài nước.

Nhóm 2: Có khả năng làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp có liên quan công việc phiên dịch hay biên dịch.

Nhóm 3: Có khả năng làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực du lịch và một số lĩnh vực khác.

6. Điều kiện tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

6.1. Điều kiện tuyển sinh

Người học đã có bằng tốt nghiệp đại học, có đủ các điều kiện theo quy định, quy chế hiện hành của Bộ GDĐT, Đại học Huế.

6.2. Quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

- Quá trình đào tạo: Theo kế hoạch năm học và toàn khóa.

- Điều kiện tốt nghiệp:

+ Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

+ Tích lũy đủ số học phần (số tín chỉ) quy định trong chương trình đào tạo;

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên.

7. Phương pháp giảng dạy và học tập

Sử dụng phương pháp giảng dạy chủ yếu là trực tuyến, dựa trên hệ thống quản lý nội dung học tập (LCMS) để cung cấp kiến thức cho người học. Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng dạy và học, Viện chủ động tổ chức học tập dưới dạng hội thoại trực tuyến (video conference) để giảng viên truyền đạt những kiến thức trọng tâm của học phần và giải đáp những vấn đề vướng mắc mà sinh viên còn gặp phải trong quá trình nghiên cứu nội dung học phần, tổ chức thảo luận các chủ đề thực tế của mỗi học phần.

Với phương châm giảng dạy chủ động, giảng viên luôn phải nỗ lực và hướng tới việc hoạt động hóa, tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học. Giảng dạy chủ động chính là tổ

chức các hoạt động học tập đa dạng và phong phú gắn liền thực tiễn giúp làm tăng khả năng lĩnh hội kiến thức cho người học.

8. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Giảng viên chủ động đánh giá người học, nhưng trong phương pháp chủ động thì giảng viên phải hướng dẫn người học phát triển kỹ năng tự đánh giá để tự điều chỉnh cách học. CTĐT được thiết kế theo hướng giảng viên tạo điều kiện thuận lợi để người học được tham gia đánh giá lẫn nhau. Tự đánh giá đúng và điều chỉnh hoạt động kịp thời là năng lực rất cần cho sự thành đạt trong cuộc sống mà nhà trường phải trang bị cho người học.

Cách thức đánh giá:

- Dựa trên quá trình: chiếm tỷ trọng 30%, trong đó đánh giá quá trình học tập thông qua thảo luận, tham gia chuyên cần 10%, kiểm tra thường xuyên 20%;
- Dựa trên điểm đánh giá kết thúc học phần: chiếm tỷ trọng 70%.

II. Mô tả Chương trình đào tạo

1. Cấu trúc Chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy là **108 tín chỉ (TC)**, trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương	14 TC
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, gồm:	94 TC
* Khối kiến thức ngôn ngữ	08 TC
* Khối kiến thức văn hóa - văn học	10 TC
* Khối kiến thức tiếng	44 TC
* Khối kiến thức chuyên ngành	20 TC
* Thực tập cuối khóa	05 TC
* Khóa luận tốt nghiệp (hoặc các học phần thay thế)	07 TC

2. Danh mục các học phần

CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA ANH

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
(1)	(2)	(3)	(4)
A		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	14
1	0368	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
2	0479	Môi trường và con người	2
3	0611	Tiếng Việt thực hành	2
4	0950	Ngôn ngữ học đối chiếu	2
5	0657	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
6	0324	Dẫn luận ngôn ngữ	2
7	0009	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
B		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	94
		Kiến thức Ngôn ngữ	08
8	0934	Ngữ âm - Âm vị học	2
9	0937	Ngữ pháp	2
10	0938	Ngữ nghĩa học	2

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
		Tự chọn (chọn 01 học phần trong số 03 học phần sau)	2/6
11	0949	Phân tích diễn ngôn*	2
12	0043	Ngữ dụng học	2
13	0027	Phong cách học Tiếng Việt	2
		Kiến thức Văn hóa - Văn học	10
14	0968	Văn học Anh 1	2
15	0964	Văn hóa Anh 1	2
16	0970	Văn học Mỹ 1	2
17	0966	Văn hóa Mỹ 1	2
18	0962	Giao thoa văn hóa 1	2
		Khối kiến thức Tiếng	44
19	0920	Nghe 1	2
20	0921	Nói 1	2
21	0922	Đọc 1	2
22	0923	Viết 1	2
23	0925	Nghe 2	2
24	0926	Nói 2	2
25	0927	Đọc 2	2
26	0928	Viết 2	2
27	0694	Nghe 3	2
28	0695	Nói 3	2
29	0696	Đọc 3	2
30	0697	Viết 3	2
31	0698	Nghe 4	2
32	0699	Nói 4	2
33	0700	Đọc 4	2
34	0701	Viết 4	2
35	0929	Thực hành dịch I	2
36	0932	Thực hành dịch II	2
		Tự chọn (Chọn mỗi nhóm 1 học phần)	8/32
		Nhóm 1	2/4
37	0824	Nghe 5*	2
38	0891	Tiếng Anh du lịch	2
		Nhóm 2	2/4
39	0825	Nói 5*	2
40	0993	Phòng vấn	2
		Nhóm 3	2/4
41	0826	Đọc 5*	2
42	0994	Tiếng Anh máy tính	2
		Nhóm 4	2/4
43	0827	Viết 5*	2
44	0995	Thực hành dịch III	2

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
		Kiến thức Chuyên ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Anh	20
45	0969	Văn học Anh 2	3
46	0971	Văn học Mỹ 2	3
47	0965	Văn hóa Anh 2	3
48	0967	Văn hóa Mỹ 2	3
49	0963	Giao thoa văn hóa 2	2
50	0973	Kỹ năng giao tiếp	3
51	0972	Ngôn ngữ - Xã hội học	3
		Thực tập cuối khóa	05
		Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (Mỗi nhóm chọn 1 học phần)	07
		Nhóm 1	3/6
52	0959	Ngữ pháp chức năng (An Introduction to Functional Grammar) *	3
53	0999	Tâm lý ngôn ngữ học	3
		Nhóm 2	2/4
54	0975	Ngôn ngữ và văn hóa*	2
55	0996	Kỹ năng thực hành tiếng nâng cao (Advanced language skills)	2
		Nhóm 3	2/4
56	0974	Nghiên cứu văn bản*	2
57	0996	Quan hệ giao tiếp	2
		Tổng số tín chỉ toàn khóa Chuyên ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Anh	108

3. Kế hoạch đào tạo

PHÂN BỐ DỰ KIẾN THEO HỌC KỲ CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA ANH

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
HỌC KỲ 1			
1.	Tiếng Việt thực hành	2	
2.	Nghe 1	2	
3.	Nói 1	2	
4.	Đọc 1	2	
5.	Viết 1	2	
6.	Dẫn luận ngôn ngữ	2	
7.	Nghe 2	2	
8.	Nói 2	2	
9.	Đọc 2	2	
10.	Viết 2	2	
11.	Môi trường và con người	2	

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
12.	Nghe 3	2	
13.	Nói 3	2	
14.	Đọc 3	2	
15.	Viết 3	2	
	Tổng số tín chỉ	30	
HỌC KỲ 3			
16.	Thực hành dịch I	2	
17.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
18.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
19.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
20.	Nghe 4	2	
21.	Nói 4	2	
22.	Đọc 4	2	
23.	Viết 4	2	
24.	Thực hành dịch II	2	
25.	Ngữ âm - Âm vị học	2	
26.	Ngữ pháp	2	
27.	Ngữ nghĩa học	2	
	<i>Tự chọn nhóm 1</i>		
28.	Nghe 5*	2	
29.	Tiếng Anh du lịch	2	
	<i>Tự chọn nhóm 2</i>		
30.	Nói 5*	2	
31.	Phỏng vấn	2	
	Tổng số tín chỉ	28	
HỌC KỲ 3			
	<i>Tự chọn nhóm 3</i>		
32.	Đọc 5*	2	
33.	Tiếng Anh máy tính	2	
	<i>Tự chọn nhóm 4</i>		
34.	Viết 5*	2	
35.	Thực hành dịch III	2	
36.	Văn hóa Anh 1	2	
37.	Văn học Anh 1	2	
38.	Văn hóa Mỹ 1	2	
39.	Văn học Mỹ 1	2	

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
40.	Giao thoa văn hóa 1	2	
41.	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	
	Học phần tự chọn (2/6 TC)		
42.	Phân tích diễn ngôn*	2	
43.	Ngữ dụng học	2	
44.	Phong cách học Tiếng Việt	2	
	Các học phần bắt buộc		
45.	Ngôn ngữ - Xã hội học	3	
46.	Văn hóa Anh 2	3	
47.	Văn học Anh 2	3	
	Tổng số tín chỉ	27	
HỌC KỲ 4			
48.	Văn hóa Mỹ 2	3	
49.	Văn học Mỹ 2	3	
50.	Giao thoa văn hóa 2	2	
51.	Kỹ năng giao tiếp	3	
	Thực tập cuối khóa	5	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (Mỗi nhóm chọn 1 học phần)	7	
	Tự chọn nhóm 1		
52.	Ngữ pháp chức năng*	3	
53.	Tâm lý ngôn ngữ học	3	
	Tự chọn nhóm 2		
54.	Ngôn ngữ và văn hóa*	2	
55.	Kỹ năng thực hành tiếng nâng cao (Advanced language skills)	2	
	Tự chọn nhóm 3		
56.	Nghiên cứu văn bản*	2	
57.	Quan hệ giao tiếp	2	
	Tổng số tín chỉ	23	
HỌC KỲ 5			
	Sinh viên đăng kí học cải thiện, học bổ sung các học phần còn thiếu. Xét tốt nghiệp và cấp bằng cho người học		
	Tổng số tín chỉ toàn khóa	108	

4. Quan hệ giữa khối kiến thức và chuẩn đầu ra

Khối kiến thức	CĐR								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Khối kiến thức Ngôn ngữ		X	X	X	X	X	X	X	X
Khối kiến thức Văn hóa – Văn học		X		X	X	X	X	X	X
Khối kiến thức Tiếng		X	X	X	X	X	X	X	X
Khối kiến thức Chuyên ngành		X	X	X	X	X	X	X	X
Thực tập cuối khóa		X	X	X	X	X	X	X	
Khóa luận tốt nghiệp (hoặc các học phần thay thế)	X	X	X	X	X	X	X	X	X

5. Quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra

CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA ANH

TT	Học phần	Kiến thức				Kỹ năng				Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm
		1	2	3	4	5	6	7	8	
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	X		X	X	X		X	X
2.	Môi trường và con người				X					X
3.	Tiếng Việt thực hành	X	X		X		X	X		
4.	Ngôn ngữ học đối chiếu	X	X		X		X	X		
5.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X	X		X		X	X		
6.	Dẫn luận ngôn ngữ	X	X		X		X	X		
7.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	X	X		X		X	X		
8.	Ngữ âm - Âm vị học		X	X	X	X	X	X	X	X
9.	Ngữ pháp		X	X	X	X	X	X	X	X
10.	Ngữ nghĩa học		X	X	X	X	X	X	X	X
	Tự chọn (chọn 01 học phần trong số 03 học phần sau)									
11.	Phân tích diễn ngôn*		X	X	X	X	X	X	X	X
12.	Ngữ dụng học		X	X	X	X	X	X	X	X
13.	Phong cách học Tiếng Việt		X	X	X	X	X	X	X	X
14.	Văn học Anh 1		X		X	X	X	X	X	X
15.	Văn hóa Anh 1		X		X	X	X	X	X	X
16.	Văn học Mỹ 1		X		X	X	X	X	X	X
17.	Văn hóa Mỹ 1		X		X	X	X	X	X	X
18.	Giao thoa văn hóa 1		X		X	X	X	X	X	X
19.	Nghe 1		X	X	X	X	X	X	X	X

TT	Học phần	Kiến thức				Kỹ năng				Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
20.	Nói 1		X	X	X	X	X	X	X	X
21.	Đọc 1		X	X	X	X	X	X	X	X
22.	Viết 1		X	X	X	X	X	X	X	X
23.	Nghe 2		X	X	X	X	X	X	X	X
24.	Nói 2		X	X	X	X	X	X	X	X
25.	Đọc 2		X	X	X	X	X	X	X	X
26.	Viết 2		X	X	X	X	X	X	X	X
27.	Nghe 3		X	X	X	X	X	X	X	X
28.	Nói 3		X	X	X	X	X	X	X	X
29.	Đọc 3		X	X	X	X	X	X	X	X
30.	Viết 3		X	X	X	X	X	X	X	X
31.	Nghe 4		X	X	X	X	X	X	X	X
32.	Nói 4		X	X	X	X	X	X	X	X
33.	Đọc 4		X	X	X	X	X	X	X	X
34.	Viết 4		X	X	X	X	X	X	X	X
35.	Thực hành dịch I		X	X	X	X	X	X	X	X
36.	Thực hành dịch II		X	X	X	X	X	X	X	X
	Tự chọn (Chọn mỗi nhóm 1 học phần)									
	Nhóm 1									
37.	Nghe 5*		X	X	X	X	X	X	X	X
38.	Tiếng Anh Du lịch		X	X	X	X	X	X	X	X
	Nhóm 2									
39.	Nói 5*		X	X	X	X	X	X	X	X
40.	Phỏng vấn		X	X	X	X	X	X	X	X
	Nhóm 3									
41.	Đọc 5*		X	X	X	X	X	X	X	X
42.	Tiếng Anh máy tính		X	X	X	X	X	X	X	X
	Nhóm 4									
43.	Viết 5*		X	X	X	X	X	X	X	X
44.	Thực hành dịch III		X	X	X	X	X	X	X	X
	Kiến thức Chuyên ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Anh									
45.	Văn học Anh 2		X		X	X	X	X	X	X

TT	Học phần	Kiến thức				Kỹ năng				Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
46.	Văn học Mỹ 2		X		X	X	X	X	X	X
47.	Văn hóa Anh 2		X		X	X	X	X	X	X
48.	Văn hóa Mỹ 2		X		X	X	X	X	X	X
49.	Giao thoa văn hóa 2		X		X	X	X	X	X	X
50.	Kỹ năng giao tiếp		X	X	X	X	X	X	X	X
51.	Ngôn ngữ - Xã hội học		X	X	X	X	X	X	X	X
	Thực tập cuối khóa		X	X	X	X	X	X	X	X
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (Mỗi nhóm chọn 1 học phần)									
	Nhóm 1									
52.	Ngữ pháp chức năng (An Introduction to Functional Grammar) *	X	X	X	X	X	X	X	X	X
53.	Tâm lý ngôn ngữ học	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	Nhóm 2									
54.	Ngôn ngữ và văn hóa*	X	X	X	X	X	X	X	X	X
55.	Kỹ năng thực hành tiếng nâng cao (Advanced language skills)	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	Nhóm 3									
56.	Nghiên cứu văn bản*	X	X	X	X	X	X	X	X	X
57.	Quan hệ giao tiếp	X	X	X	X	X	X	X	X	X

6. Tóm tắt các học phần

CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA ANH

TT	Mã học phần	Tên học phần	T C	MÔ TẢ TÓM TẮT	Bắt buộc	Tự chọn	Mã HP học trước
HỌC KỲ 1							
1.	0611	Tiếng Việt thực hành	02	Học phần hệ thống hóa vắn tắt các kiến thức về ngữ âm tiếng Việt, từ vựng tiếng Việt, ngữ pháp tiếng Việt và văn bản tiếng Việt; hướng dẫn phương pháp và kỹ năng rèn luyện về viết đúng chính tả; dùng từ đúng, chữa từ sai; viết câu đúng, chữa câu sai; tạo lập văn bản logic, mạch lạc và phân tích văn bản, chữa lỗi văn bản.	X		
2.	0920	Nghe 1	02	Học phần giúp người học làm quen và phát triển thói quen nghe hiểu bằng tiếng Anh; xây dựng các kỹ năng nghe cơ bản để người học có thể nghe hiểu các hội thoại, bài nói chuyện ngắn về các đề tài phổ thông trong cuộc sống hằng ngày, các bản tin trên phương tiện thông tin đại chúng; xây dựng cho người học các chiến lược	X		

				để có thể xử lý các dạng bài nghe khác nhau.			
3.	0921	Nói 1	02	Học phần giúp người học bước đầu làm quen và thực hành các chức năng giao tiếp cơ bản của diễn đạt nói. SV thực hiện các hội thoại theo cặp, nhóm và trình bày trước lớp về các chủ đề liên quan đến các kinh nghiệm các nhân. Học phần đặc biệt chú trọng giúp người học phát triển diễn đạt thông thường/các hành động lời nói (speech acts) được sử dụng phổ biến trong giao tiếp hằng ngày.	X		
4.	0922	Đọc 1	02	Học phần giúp xây dựng ý thức của người học về quy trình đọc hiểu, giúp nắm bắt được các kỹ năng như: đọc lướt tìm ý chính, đọc lướt lấy thông tin chi tiết, đoán nghĩa từ theo văn cảnh, suy đoán, hiểu cấu trúc,... giúp người học có thể luyện tập các kỹ năng đọc hiểu và phát triển vốn từ.	X		
5.	0923	Viết 1	02	Học phần giúp người học ứng dụng kiến thức ngữ pháp để viết câu chính xác (syntax), từ đó xây dựng nền tảng cho việc rèn luyện kỹ năng viết cho những học phần Viết tiếp theo.	x		
6.	0324	Dẫn luận ngôn ngữ	02	Học phần giới thiệu khái quát về ngôn ngữ và ngôn ngữ học, những vấn đề triết học của ngôn ngữ, các bình diện nghiên cứu của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ.	X		
7.	0925	Nghe 2	02	Học phần giúp người học phát triển kỹ năng nghe cần có để nghe hiểu các hội thoại, bài nói chuyện ngắn về các đề tài phổ thông trong cuộc sống hằng ngày, các bản tin trên phương tiện thông tin đại chúng.	X		
8.	0926	Nói 2	02	Học phần giúp người học phát triển các kỹ thuật/ kỹ năng diễn đạt nói về các đề tài văn hóa, xã hội, kinh tế, môi trường bên cạnh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống.	X		
9.	0927	Đọc 2	02	Học phần chú trọng các kỹ năng đọc hiểu ở bậc trung cấp và giúp người học làm quen với các khía cạnh khác nhau của cuộc sống qua các bài đọc. Các chủ đề bao gồm các lãnh vực như chính trị, thương mại, khoa học, xã hội, giáo dục, nghệ thuật...	X		
10.	0928	Viết 2	02	Học phần giúp người học tiếp tục củng cố và phát triển kỹ năng viết dựa trên các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng theo chủ điểm được cung cấp từ phần Đọc trong mỗi đơn vị bài học, đặc biệt là các kỹ năng viết câu chủ đề, câu phát triển chủ đề và tổ chức kết nối trong đoạn văn; người học được trau dồi viết dàn bài theo thể loại và rèn luyện cách viết đoạn hiệu quả.	X		
11.	0479	Môi trường và con người	02	Học phần cung cấp cho người học các nội dung: Sinh thái học với khoa học môi trường, dân số người và những nhu cầu sống, tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường, con người và môi trường.	X		
12.	0694	Nghe 3	02	Học phần giúp người học nghe và hiểu được ngôn ngữ nói chuẩn mực về các chủ đề quen thuộc và không quen thuộc thường gặp; hiểu ý chính của lời nói phức về nội dung và ngôn ngữ về các vấn đề cụ thể hay trừu tượng được biểu đạt qua một ngữ vực (standard dialect) chuẩn mực; theo dõi được một bài nói dài.	X		
13.	0695	Nói 3	02	Học phần giúp người học phát triển các kỹ năng diễn đạt, trình bày các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, các đề tài về văn hóa, xã hội, kinh tế.	X		
14.	0696	Đọc 3	02	Học phần giúp người học tiếp tục củng cố các kỹ năng đọc lướt (skimming) và đọc chi tiết (scanning); trau dồi từ vựng và các kỹ năng khác như: phân tích cấu trúc bài đọc, sử dụng kiến thức đã biết để đoán nội dung của bài, sử dụng đầu đề (headings) hoặc tựa	x		

				đề (titles) để xác định mục đích/ nội dung v.v....			
15.	0697	Viết 3	02	Học phần giúp người học tiếp tục củng cố những kiến thức đã học ở học phần Viết 1, Viết 2; trau dồi khả năng viết dàn bài theo thể loại hệ thống và rèn luyện các tiêu chí quan trọng giúp viết được một đoạn văn hiệu quả; giới thiệu các yêu cầu về hình thức và nội dung của một bài luận đồng thời cũng được tạo điều kiện để thực hành viết theo đúng các yêu cầu này.	X		
HỌC KỲ 2							
16.	0929	Thực hành dịch 1	02	Học phần trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất để biên dịch ở mức độ dành cho người mới bắt đầu (ví dụ: câu, thành ngữ, các cụm từ...), thực hành biên dịch một số văn bản đơn giản.	X		
17.	0368	Tư tưởng Hồ Chí Minh	02	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cần thiết để thẩm thấu thể giới quan, nhân sinh quan và phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh ở thời đại ngày nay, thông qua việc trình bày: khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, nội dung cốt lõi, điều kiện lịch sử - xã hội, nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển và những giá trị, ý nghĩa của việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung của hệ thống tư tưởng, quan điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm vận dụng của Đảng ta vào sự nghiệp đổi mới đất nước ở giai đoạn hiện nay.	X		
18.	0657	Phương pháp nghiên cứu khoa học	02	Học phần cung cấp cho người học các nội dung cơ bản trong thực hiện đề tài NCKH bao gồm các loại hình NCKH, hình thái của 1 đề tài NCKH, phương pháp thực hiện, các phương pháp thu thập dữ liệu, các tiêu mục của hình thái NCKH, cách trình bày tài liệu tham khảo và hình thức của 1 đề cương NCKH.	X		
19.	0009	Cơ sở văn hóa Việt Nam	02	Học phần cung cấp cho người học các khái niệm văn hóa, tiến trình văn hóa, cấu trúc văn hóa, phân vùng văn hóa.	X		
20.	0698	Nghe 4	02	Học phần giúp người học luyện tập một số chiến lược nghe các tình huống thật trong cuộc sống hằng ngày liên quan đến các vấn đề xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học phổ thông.	X		
21.	0699	Nói 4	02	Học phần giúp người học phát triển kỹ năng thực hiện một cuộc thảo luận bao gồm: Hoạt động trước khi thảo luận, hoạt động thảo luận, mở rộng các ý tưởng do cuộc thảo luận đem lại; thực hành sử dụng ngôn ngữ nói một cách hiệu quả, bao gồm việc nắm vững các kỹ năng hội thoại, đóng vai, trình bày một bài nói.	X		
22.	0700	Đọc 4	02	Học phần cung cấp cho người học các kỹ năng đọc hiểu dành cho bậc đại học, nhấn mạnh vào việc quán triệt các kỹ năng đọc này hơn là nhớ nội dung các bài đọc; giúp người học làm quen với các khía cạnh khác nhau của cuộc sống, bao gồm các chủ đề về lãnh vực chính trị, thương mại, khoa học, xã hội, giáo dục, nghệ thuật...	X		
23.	0701	Viết 4	02	Học phần giúp cho người học nắm rõ các giai đoạn cơ bản trong quá trình viết một bài luận cơ bản bằng tiếng Anh. Người học được giới thiệu các yêu cầu về hình thức và nội dung của các loại bài luận, đồng thời cũng được tạo điều kiện để thực hành viết theo đúng các yêu cầu này.	X		
24.	0932	Thực hành dịch 2	02	Học phần trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất để biên dịch ở mức độ dành cho người mới bắt đầu (ví dụ: câu, thành ngữ, các cụm từ...), đồng thời thực hành biên dịch một	X		

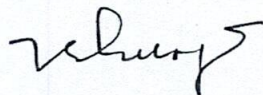
				số văn bản đơn giản.			
25.	0934	Ngữ âm - Âm vị học	02	Học phần trang bị khái niệm cơ bản về ngữ âm học và âm vị học; những thuật ngữ sử dụng miêu tả âm thanh lời nói và ký hiệu phiên âm tiếng Anh; những đặc điểm cơ bản và cách phát âm của phụ âm, nguyên âm, của tiếng Anh và các quy luật biến đổi của âm vị tiếng Anh; những nội dung cơ bản về các yếu tố siêu đoạn tính.	X		
26.	0937	Ngữ pháp	02	Học phần bao gồm 2 phần chính: Hình thái học (giới thiệu về từ, đơn vị cấu tạo nên từ trong tiếng Anh, cấu trúc từ tiếng Anh và các quy luật cấu tạo từ) và Cú pháp học (giới thiệu thành phần câu, đơn vị cấu tạo nên câu, cấu trúc câu, các loại câu, qui luật cấu tạo câu dựa trên qui luật cấu trúc ngữ đoạn (phrase structure rules) và lý thuyết X-bar (X-bar theory)).	X		
27.	0938	Ngữ nghĩa học	02	Học phần bao gồm các nội dung về các cách tiếp cận nghĩa cũng như các loại hình nghĩa ẩn chứa trong sử dụng ngôn ngữ. Ngữ nghĩa học cung cấp cho người học các khái niệm về nét nghĩa của từ, ngữ đoạn, câu, phát ngôn, ..., các quan hệ nghĩa trong ngôn ngữ cũng như các vấn đề cơ bản trong nghĩa từ, nghĩa phát ngôn, nghĩa ngữ vi; giới thiệu các nội dung cơ bản liên quan đến lời nói và hành vi lời nói.	X		
28.		Tự chọn nhóm 1					
28. 1	0824	Nghe 5*	02	Học phần nhằm phát triển kỹ năng nghe mà người học cần có để nghe ghi các bài giảng, bài nói chuyện mang tính học thuật. Các kỹ năng bao gồm: nghe lấy ý tổng quát và chi tiết; nghe lấy ý chính và thông tin cụ thể; xác định từ/ cụm từ quan trọng, từ/ cụm từ chuyển tiếp. Ví dụ: diễn giải, cấu trúc bài giảng; ghi chép ý chính trong khi nghe giảng. Nội dung các bài nghe liên quan đến các vấn đề xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học phổ thông,...		X	
28. 2	0891	Tiếng Anh du lịch	02	Học phần giới thiệu cho người học các kiến thức cơ bản về du lịch, khách sạn, nhà hàng đồng thời cung cấp một số thuật ngữ tiếng Anh thông thường được sử dụng trong các lĩnh vực này.		X	
29.		Tự chọn nhóm 2					
29. 1	0825	Nói 5*	02	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và các bước tiến hành một bài diễn thuyết bao gồm phân tích người nghe, địa điểm nói, chọn đề tài và lập dàn ý, tìm kiếm, thu thập dữ liệu, viết bài nói, chuẩn bị các hình ảnh trực quan, luyện tập và thuyết trình, trả lời câu hỏi của thính giả. Người học sẽ được luyện tập các kỹ năng trình bày như ngữ điệu, ngắt giọng, nhấn âm, cử chỉ, điệu bộ, các thao tác với hình ảnh hỗ trợ...		X	
29. 2	0993	Phòng vấn	02	Học phần trang bị cho người học các kỹ năng cần thiết trong phỏng vấn như: lên kế hoạch phỏng vấn, thực hiện phỏng vấn, thu thập thông tin, phân biệt các loại hình phỏng vấn, đồng thời làm quen với các mẫu đơn xin việc làm và viết sơ yếu lý lịch bằng tiếng Anh... Các bước cơ bản của một cuộc phỏng vấn: trước, trong khi và sau khi phỏng vấn được trình bày chi tiết và minh họa bằng các cuộc phỏng vấn mẫu.		X	
HỌC KỲ 3							
30.		Tự chọn nhóm 3					
30. 1	0826	Đọc 5*	02	Học phần bao gồm các kỹ năng đọc hiểu giúp người học đáp ứng được các mục tiêu học thuật và nghề nghiệp của mình, nhấn mạnh vào việc phát triển các kỹ năng tư duy phê phán của người học.		X	

				Các bài đọc được lấy từ các nguồn khác nhau như tạp chí, trang web, sách khoa học, vv..., giúp người học làm quen với các khía cạnh đa dạng của cuộc sống.			
30. 2	0994	Tiếng Anh máy tính	02	Học phần cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về tin học bằng tiếng Anh và một số thuật ngữ tiếng Anh thông thường được sử dụng trong lĩnh vực này.		X	
31.		<i>Tự chọn nhóm 4</i>					
31. 1	0827	Viết 5*	02	Học phần giúp cho người học phát triển kiến thức cụ thể về các dạng bài viết tiếng Anh cần thiết trong cuộc sống, từ mô tả, kể chuyện, thư từ, thảo luận, báo cáo, đến bình xét, ở mức độ cao; rèn luyện cho người học có kỹ năng viết bằng tiếng Anh chính xác và hiệu quả, vận dụng những kiến thức cụ thể về các loại bài luận và các phương pháp triển khai và tổ chức ý một cách thống nhất và mạch lạc. Giúp người học phát triển và hoàn thiện kỹ năng viết để có thể viết được các dạng bài viết một cách hiệu quả; có khả năng viết bài văn có cấu trúc chặt chẽ về nhiều chủ đề; diễn đạt quan điểm và đưa ra lập luận; sử dụng các mô thức kết cấu và biện pháp liên kết mạch lạc; diễn đạt tường minh, linh hoạt và có liên hệ, hướng đến người đọc.		X	
31. 2	0995	Thực hành dịch 3	02	Học phần giúp cho người học hoàn thiện các kiến thức và kỹ năng cơ bản, đồng thời thực hành biên dịch một số văn bản khó hơn Thực hành dịch 1 và 2.		X	
32.	0964	Văn hóa Anh 1	02	Học phần cung cấp cho người học những hiểu về đất nước, con người, văn hóa Anh, giúp người học giảm thiểu những hiểu lầm trong giao tiếp (do sự khác biệt giữa hai nền văn hóa), phát triển các kỹ năng thực hành tiếng (nghe, nói, đọc, viết). Người học được khuyến khích tham gia, tiếp cận các đề tài liên quan đến văn hóa Anh dưới nhiều hình thức khác nhau như thuyết trình, thảo luận, diễn kịch, chiếu phim...		X	
33.	0968	Văn học Anh 1	02	Học phần giới thiệu cho người học các kiến thức cơ bản về đặc điểm văn học Anh qua từng giai đoạn lịch sử và xã hội, các tác giả tiêu biểu của từng thời kỳ với chủ đề và văn phong đặc trưng, các tác phẩm tiêu biểu thể hiện chủ đề và đặc điểm xã hội, một số lý thuyết văn học và các phương pháp nghiên cứu tác phẩm văn học.		X	
34.	0966	Văn hóa Mỹ 1	02	Học phần cung cấp cho người học cái nhìn tổng quát về Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, giới thiệu sơ lược lịch sử hình thành đất nước kể từ thời lập quốc, phân tích những đặc trưng cơ bản về đất nước, con người và nền văn hóa Hoa Kỳ đương đại. Học phần chú trọng vào lịch sử nhập cư, các làn sóng nhập cư và tính đa dạng của nền văn hóa Mỹ, những giá trị cơ bản truyền thống và hiện đại của người Mỹ, tổ chức bộ máy nhà nước, hệ thống giáo dục và các đặc điểm của nền giáo dục Hoa Kỳ, gia đình...		X	
35.	0970	Văn học Mỹ 1	02	Học phần giới thiệu cho người học các kiến thức cơ bản về đặc điểm văn học Mỹ qua từng giai đoạn lịch sử và xã hội, các tác giả tiêu biểu của từng thời kỳ với chủ đề và văn phong đặc trưng, các tác phẩm tiêu biểu thể hiện chủ đề và đặc điểm xã hội, một số lý thuyết văn học và các phương pháp nghiên cứu tác phẩm văn học.		X	
36.	0962	Giao thoa văn hóa 1	02	Học phần giới thiệu cho người học các kiến thức cơ bản về lý thuyết giao thoa giữa các nền văn hóa khác nhau, giúp người học nhận thức được những khác biệt trong giao tiếp giữa những người thuộc các nền văn hóa khác nhau, và giúp người học nâng cao khả năng phân tích, so sánh và đối chiếu, từ đó có thái độ đúng đắn trong giao tiếp với những người đến từ các nền văn hóa khác.		X	

37.	0950	Ngôn ngữ học đối chiếu	02	Học phần trang bị cho người học phương pháp mô tả nét tương đồng và dị biệt của các cặp/ nhóm ngôn ngữ. Phương pháp mô tả trong NNHDC được áp dụng cho tất cả các cấp độ của cấu trúc ngôn ngữ từ đơn vị âm thanh đến đơn vị văn bản.	X		
38.		<i>Học phần tự chọn (2/6 TC)</i>					
38. 1	0949	Phân tích diễn ngôn*	02	Học phần giúp cho người học nắm rõ sự khác biệt giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, các phương thức liên kết văn bản, kiến thức về phân tích hội thoại, các nguyên tắc phân tích và cắt nghĩa diễn ngôn.		X	
38. 2	0043	Ngữ dụng học	02	Ngữ dụng học nghiên cứu cách thức ngôn ngữ được sử dụng trong bối cảnh giao tiếp thực, ý nghĩa của lời nói được hình thành như thế nào dưới ảnh hưởng của bối cảnh như là ai nói với ai, trong tình huống xã hội - văn hóa nào, không gian thời gian nào. Ngữ dụng học còn bao gồm những nghiên cứu về hành vi ngôn ngữ (speech act), nguyên tắc hợp tác trong giao tiếp (cooperative principles), phép lịch sự và các khái niệm liên quan trong quan hệ giao tiếp.		X	
38. 3	0027	Phong cách học Tiếng Việt	02	Học phần có nội dung tập trung phân tích thói quen sử dụng ngôn ngữ để xác định các yếu tố ngôn ngữ đặc thù của văn bản trong những giới hạn bối cảnh xã hội và mục đích sử dụng khác nhau và giải thích (trong trường hợp có thể) tại sao những yếu tố đó được sử dụng thay vì những yếu tố ngôn ngữ thay thế khác để từ đó phân loại các văn bản trên cơ sở chức năng giao tiếp của văn bản.		X	
39.	0972	Ngôn ngữ - Xã hội học	03	Học phần nghiên cứu mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn hóa và xã hội; nghiên cứu sự tác động của con người, phái tính, tuổi tác, tầng lớp xã hội, sở thích, quan hệ xã hội, địa phương, tín ngưỡng, kiêng kỵ, chính trị, tập tục, truyền thống đối với việc sử dụng ngôn ngữ qua các biến thể ngôn ngữ, qua cách xưng hô, qua những tình huống nói năng hoặc im lặng, qua sự thay đổi ngôn ngữ.	X		
40.	0965	Văn hóa Anh 2	03	Học phần trang bị cho người học một cái nhìn khái quát và sâu rộng hơn đối với nền văn hóa Anh và liên văn hóa; đào sâu một số chủ điểm như giáo dục đại học, lịch sử, kinh tế; giúp người học tiếp cận một số chủ điểm mới như tài chính, tôn giáo, phúc lợi xã hội, văn hóa nghệ thuật Anh, quan hệ quốc tế... thông qua hình thức thảo luận nhóm (seminar) và bài tập lớn (assignment/ project). Học phần còn giúp người học ý thức về sự giống và khác nhau giữa các nền văn hóa để tiếp thu có chọn lọc và phê phán tinh hoa văn hóa xứ người đồng thời không ngừng giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc.	X		
41.	0969	Văn học Anh 2	03	Học phần giới thiệu cho người học các kiến thức cơ bản về đặc điểm văn học Anh qua từng giai đoạn lịch sử và xã hội, các tác giả tiêu biểu của từng thời kỳ với chủ đề và văn phong đặc trưng, các tác phẩm tiêu biểu thể hiện chủ đề và đặc điểm xã hội, một số lý thuyết văn học và các phương pháp nghiên cứu tác phẩm văn học.	X		
HỌC KỲ 4							
42.	0967	Văn hóa Mỹ 2	03	Học phần bổ sung và mở rộng những chủ điểm chưa được nhắc đến trong học phần Văn hóa Mỹ 1, với mục đích cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đất nước, con người, cuộc sống và văn hóa Hoa Kỳ đương đại. Học phần chú trọng vào địa lý, lối sống, tôn giáo, thông tấn báo chí, đời sống văn hóa ở Hoa Kỳ. Các giá trị truyền thống cơ bản của người Mỹ tiếp tục được minh họa và	X		

				làm rõ.			
43.	0971	Văn học Mỹ 2	03	Học phần giới thiệu cho người học các kiến thức cơ bản về đặc điểm văn học qua từng giai đoạn lịch sử và xã hội, các tác giả tiêu biểu của từng thời kỳ với chủ đề và văn phong đặc trưng, các tác phẩm tiêu biểu thể hiện chủ đề và đặc điểm xã hội, một số lý thuyết văn học và các phương pháp nghiên cứu tác phẩm văn học.	X		
44.	0963	Giao thoa văn hóa 2	02	Học phần cung cấp kiến thức sâu hơn về lý thuyết giao thoa văn hóa và ảnh hưởng văn hóa lên các mặt của đời sống con người. Học phần cung cấp các cơ hội để người học rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp liên văn hóa, kỹ năng phân tích và đánh giá các vấn đề liên văn hóa.	X		
45.	0973	Kỹ năng giao tiếp	03	Học phần cung cấp cho người học kiến thức về bản chất và quá trình giao tiếp của con người trong các ngữ cảnh: giao tiếp liên nhân, giao tiếp trong nhóm và giao tiếp qua phương tiện truyền thông.	X		
		Thực tập cuối khóa	05		X		
46.		<i>Tự chọn nhóm 1</i>					
46.1	0959	Ngữ pháp chức năng*	03	Học phần giúp cho người học nắm rõ hệ thống các thuật ngữ cơ bản trong ngữ pháp, ngữ nghĩa và phân tích ngôn bản; lý thuyết giải thích quan hệ giữa các thành phần trong tiếng Anh trên nhiều bình diện; kiến thức về việc thành lập và hoạt động của các đơn vị ngôn ngữ; nâng cao năng lực để đánh giá chất lượng ngôn ngữ trong giảng dạy, phiên biên dịch tiếng Anh và các hoạt động giao tiếp khác.		X	
46.2	0999	Tâm lý ngôn ngữ học	03	Học phần giúp cho người học thấy được mối liên hệ giữa thủ đắc ngôn ngữ (language acquisition) và sử dụng ngôn ngữ (language use), hoặc hành vi ngôn ngữ (language behavior); chỉ ra các quá trình mà con người trải qua trong thủ đắc ngôn ngữ.		X	
47.		<i>Tự chọn nhóm 2</i>					
47.1	0975	Ngôn ngữ và văn hóa*	02	Học phần giúp cho người học nắm rõ mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, các yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến ngôn ngữ, các điểm giống và khác nhau giữa văn hóa bản ngữ và văn hóa mục tiêu.		X	
47.2	0996	Kỹ năng thực hành tiếng nâng cao (Advanced language skills)	02	Học phần có nội dung chính bao gồm các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, tạo điều kiện cho người học rèn luyện và thể hiện các kỹ năng tiếng (nghe, nói, đọc, viết) ở cấp độ cao.		X	
48.		<i>Tự chọn nhóm 3</i>					
48.1	0974	Nghiên cứu văn bản	02	Học phần được thiết kế nhằm giúp người học chuyên ngữ hiểu, nắm vững và biết cách phân tích, nghiên cứu văn bản tiếng Anh.	X		
48.2	1000	Quan hệ giao tiếp	02	Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về quá trình giao tiếp của con người; các yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp và các tác động của ngữ cảnh giao tiếp cũng được xem xét trong nội dung môn học.		X	
HỌC KỲ 5							
Thời gian dành cho sinh viên đăng ký học cải thiện, học bổ sung các học phần còn thiếu và xét tốt nghiệp.							

TRƯỜNG NGÀNH
(HT. TRƯỜNG ĐHNN – ĐHH)



PGS. TS. Phạm Thị Hồng Nhung

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 11 năm 2021

VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS. Nguyễn Hoàng Sơn